



## INSULCAST 333 NEUTRAL - PT A

<b>Câu phòng ngừa</b>	P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ. P302+P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch với nhiều nước. P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. P333+P313 Nếu thấy da bị kích ứng hoặc mẩn: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp. P337+P313 Nếu bị kích ứng mắt: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp.
<b>Thông tin nhân bổ sung</b>	EUH205 Chứa thành phần epoxy. Có thể gây ra phản ứng dị ứng.
<b>Bao gồm</b>	Reaction product of Epichlorohydrin & Bisphenol A, OXIRANE, MONO [(C12-14-ALKYLOXY)METHYL] DERIVS

### PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

#### Hỗn hợp

<b>Reaction product of Epichlorohydrin &amp; Bisphenol A</b>	<b>30-60%</b>
Số CAS: 25085-99-8	
<b>Phân loại</b> Kích ứng da loại 2 - H315 Kích ứng mắt loại 2A - H319 Mẩn cảm da loại 1 - H317 Mẩn tính thủy sinh loại 2 - H411	
<b>OXIRANE, MONO [(C12-14- ALKYLOXY)METHYL] DERIVS</b>	<b>10-30%</b>
Số CAS: 68609-97-2	
<b>Phân loại</b> Kích ứng da loại 2 - H315 Mẩn cảm da loại 1 - H317	
<b>ANTIMONY TRIOXIDE</b>	<b>&lt;1%</b>
Số CAS: 1309-64-4	
<b>Phân loại</b> Độc tố gây ung thư loại 2 - H351	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

### PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

#### Mô tả các biện pháp sơ cứu

<b>Sự hít phải</b>	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Nếu ngừng thở, hô hấp nhân tạo. Tìm hỗ trợ y tế.
<b>Sự ăn phải</b>	DO NOT induce vomiting. Get medical attention immediately. Không bao giờ được cho bất kỳ thứ gì qua đường miệng cho một người đang bất tỉnh.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Cởi bỏ quần áo bị nhiễm hóa chất và rửa sạch da với nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Rửa ngay với nhiều nước. Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức. Tiếp tục rửa.

#### Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

## INSULCAST 333 NEUTRAL - PT A

**Thông tin chung** Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.

### Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

**Ghi chú cho bác sĩ** Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

### PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

#### Cách chữa cháy

**Cách chữa cháy phù hợp** Cacbon dioxit hoặc bột khô.

**Cách chữa cháy không phù hợp** Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy.

#### Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

**Những nguy hại cụ thể** Các thùng chứa có thể nổ tung dữ dội hoặc gây nổ khi được gia nhiệt, do áp lực gia tăng.

**Các sản phẩm cháy nguy hại** Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết.

#### Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

**Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy** Làm mát các thùng chứa tiếp xúc với nhiệt bằng bình xịt nước và đưa chúng ra khỏi khu vực cháy nếu có thể thực hiện một cách an toàn.

**Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa** Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

### PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

#### Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

**Những cảnh báo cho cá nhân** Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Cung cấp hệ thống thông gió tốt.

#### Các cảnh báo về môi trường

**Những cảnh báo về môi trường** Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.

#### Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

**Các phương pháp lau dọn** Hấp thụ tràn đổ bằng cát và các chất hấp thụ trợ khác. Giội rửa chất tràn đổ với nhiều nước. Cung cấp hệ thống thông gió tốt.

#### Tham khảo cho các phần khác

**Tham khảo cho các phần khác** Về bảo hộ cá nhân, xem Phần 8.

### PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

#### Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

**Những lưu ý khi sử dụng** Tránh hít phải hơi. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Thùng chứa phải được đóng kín khi không sử dụng.

#### Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

**Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất** Lưu trữ ở nơi thoáng mát và thông gió tốt. Giữ thùng chứa khô. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

#### Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

**(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng** Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

## INSULCAST 333 NEUTRAL - PT A

### PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

**Chú thích thành phần** Không có giới hạn phơi nhiễm cho các thành phần này.

#### Quản lý phơi nhiễm

##### Thiết bị bảo hộ



**Kiểm soát kỹ thuật phù hợp** Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Xem tất cả các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của sản phẩm hoặc của các thành phần.

**Bảo hộ mắt/mặt** Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

**Bảo hộ tay** Phải đeo găng tay chống hóa chất, chống thấm tuân theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro cho thấy việc tiếp xúc với da có thể xảy ra. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thấm thấu ít nhất 8 giờ.

**Bảo hộ khác cho da và cơ thể** Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.

**Các biện pháp về vệ sinh** Cởi bỏ ngay lập tức quần áo vừa bị ướt hoặc nhiễm hóa chất. Rửa vào cuối mỗi ca làm việc và trước khi ăn, hút thuốc và sử dụng toilet.

**Bảo hộ cho hô hấp** Use chemical cartridge protection with appropriate cartridge. Sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp nếu mức ô nhiễm không khí vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được khuyến nghị. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

### PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

#### Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

**Hình dáng bên ngoài** Chất lỏng màu.

**Màu sắc** Đen.

**Điểm chớp cháy** >93°C Không xác định.

**Tính dễ bay hơi của hợp chất hữu cơ** Sản phẩm này chứa hàm lượng VOC tối đa là 0 g/litre.

### PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

**Khả năng hoạt động của chất** Axit. Kiềm.

**Mức độ ổn định của chất** Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.

**Khả năng gây ra phản ứng nguy hại** Không có.

**Các tình trạng cần tránh** Tránh tiếp xúc với chất oxy hóa mạnh. Tránh nhiệt.

**Các vật liệu cần tránh** Kiềm mạnh. Axit - oxy hóa.

**Các sản phẩm cháy nguy hại** Không phân hủy khi được sử dụng và lưu trữ như được khuyến nghị.

## INSULCAST 333 NEUTRAL - PT A

### PHẦN 11: Thông tin về độc tính

#### Thông tin về tác động của độc tính

<b>Thông tin chung</b>	Sản phẩm chứa nhựa epoxy. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.
<b>Sự hít phải</b>	Hơi có thể gây kích ứng hệ hô hấp/phổi. Hơi này có thể gây kích ứng cho họng/hệ hô hấp. Những triệu chứng sau khi phơi nhiễm quá mức có thể bao gồm những điều sau: Đau đầu. Chóng mặt. Buồn ngủ.
<b>Sự ăn phải</b>	Có thể gây khó chịu nếu nuốt phải. Nhưng triệu chứng về tiêu hóa, bao gồm việc dạ dày thấy khó chịu.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Sản phẩm chứa một lượng nhỏ chất gây mẫn cảm. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm. Gây kích ứng da. Tiếp xúc kéo dài và thường xuyên có thể gây mẩn đỏ và kích ứng.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Gây kích ứng mắt. Gây kích ứng cho mắt. Những triệu chứng sau khi phơi nhiễm quá mức có thể bao gồm những điều sau: Mẩn đỏ. Đau.
<b>Đường vào cơ thể</b>	Qua đường thở Ingestion. Tiếp xúc với da và/hoặc mắt
<b>Triệu chứng y học</b>	Khí hoặc hơi ở nồng độ cao có thể gây kích ứng hệ hô hấp. Những triệu chứng sau khi phơi nhiễm quá mức có thể bao gồm những điều sau: Đau đầu. Mệt mỏi. Buồn nôn, nôn mửa.

### PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

<b>Độc tính môi sinh</b>	Không có thông tin về các tác động đối với môi trường nào được tìm thấy.
<b>Độc tính</b>	Very toxic to aquatic organisms.
<b><u>Độ bền vững và độ phân hủy</u></b>	
<b>Độ bền và độ phân hủy</b>	Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.
<b><u>Tiềm năng tích tụ sinh học</u></b>	
<b>Khả năng tích lũy sinh học</b>	Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.
<b><u>Tính di động trong đất</u></b>	
<b>Tính di động</b>	Không được cho là có tính di động.
<b><u>Các tác động có hại khác</u></b>	
<b>Các tác động có hại khác</b>	Không có.

### PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

#### Các biện pháp xử lý chất thải

<b>Thông tin chung</b>	Chất thải phải được xử lý như chất thải được kiểm soát. Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.
<b>Các phương pháp thải bỏ</b>	Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

### PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

**Chung** Không có thông tin khác.

#### Số UN

Không áp dụng.

**INSULCAST 333 NEUTRAL - PT A**

Số UN (Đường bộ/Đường sắt) 3082

Số UN (IMDG) 3082

Số UN (ICAO) 3082

**Tên vận chuyển chuẩn UN**

Không áp dụng.

**Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt)** ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (Epoxy Resin:--reaction product of Bisphenol A and Epichlorohydrin)

**Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG)** ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (Epoxy Resin:--reaction product of Bisphenol A and Epichlorohydrin)

**Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO)** ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (Epoxy Resin:--reaction Product Of Bisphenol A And Epichlorohydrin)

**Vận chuyển các nhóm chất nguy hại**

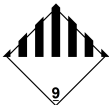
Nhóm Đường bộ/Đường sắt 9

Nhãn Đường bộ/Đường sắt 9

Nhóm IMDG 9

Nhóm/ mục ICAO 9

Nhãn vận chuyển

**Nhóm đóng gói**

Không áp dụng.

Nhóm đóng gói Đường bộ/Đường sắt III

Nhóm đóng gói IMDG III

Nhóm đóng gói ICAO III

**Các nguy hại về môi trường**

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh

**Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng**

Không áp dụng.

EmS F-A, S-F

Số xác định nguy hại (Đường bộ/Đường sắt) 90

**Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và mã IBC** Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

**INSULCAST 333 NEUTRAL - PT A****PHẦN 15: Thông tin luật định****PHẦN 16: Thông tin khác**

**Ngày sửa đổi** 04/04/2018

**Sửa đổi** 3

**Ngày thay thế** 29/04/2016

**Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ** H315 Gây kích ứng da.  
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.  
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.  
H351 Nghi ngờ là tác nhân gây ung thư.  
H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.